

Số: 05/2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020,
thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Xét đề nghị của Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh tại Văn bản số 34/LN-SNN&PTNT-VPDP ngày 25/01/2017; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 513/BC-STP ngày 20/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020, thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/02/2017 và thay thế Quyết định số 73/2014/QĐ-UBND ngày 28/10/2014, Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015, Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định và điều chỉnh, bổ sung Chỉ tiêu các nội dung trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- TTr HĐND cấp huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phó VP UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Lưu: VT, NL₁.

Gửi: + VB giấy: Các TP không nhận VBĐT.

+ VB điện tử: Các TP còn lại.

Weshang

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Khánh

BỘ TIÊU CHÍ

**Xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020,
thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
I. QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt
		1.3. Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các tuyến đường giao thông, khu trung tâm hành chính xã, các khu chức năng, khu cụm công nghiệp, khu nông nghiệp công nghệ cao và khu vực cắm xây dựng theo quy hoạch được duyệt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m. Riêng đối với đường trục chính từ trung tâm hành chính xã và đường trục xã làm mới yêu cầu nền đường tối thiểu 9m, mặt đường tối thiểu 5m
		2.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tối thiểu 70% được nhựa hóa hoặc bê tông hoá, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, mặt đường tối thiểu 3,5m. Trường hợp bất khả kháng (không thể giải phóng được đối với nhà cửa, vật kiến trúc kiên cố xây dựng trước thời điểm công bố quy hoạch) mặt đường tối thiểu 3,0m; phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi... được lu lèn)

¹ Phải đảm bảo chiến lược phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới, thể hiện rõ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

2	Giao thông	2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Tối thiểu 70% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5m, mặt đường tối thiểu 3m (trường hợp bất khả kháng 2,5m); phần còn lại phải được cứng hóa (bằng cấp phối hoặc đá dăm, gạch vỡ, cuội sỏi,... được lu lèn)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tối thiểu 70% được cứng hóa, đảm bảo chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, mặt đường tối thiểu 3,0m
		2.5. Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường	≥ 70%
		2.6. Đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được), khoảng cách cây tùy loại cây nhưng đảm bảo khả năng giao tán sau khi trưởng thành	100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Có tối thiểu 80% diện tích đất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động. Trong đó, ít nhất 20% diện tích đất sản xuất cây lâu năm (cam, bưởi, chè,...) được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 80%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	- Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng đảm bảo đủ chỗ ngồi tối thiểu 200 chỗ đối với đồng bằng, 150 chỗ ngồi đối với miền núi. - Diện tích Khu thể thao (chưa kể sân vận động) là 2.000m ² ; sân vận động diện tích tối thiểu 13.000m ² .

6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ²	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%
		6.4. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh	≥ 70%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Chợ có trong quy hoạch của tỉnh (trong kỳ quy hoạch) phải xây dựng đạt chuẩn theo quy định. - Xã không quy hoạch chợ hoặc có trong quy hoạch nhưng ở giai đoạn hiện tại chưa thực hiện thì phải có cửa hàng kinh doanh tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số thôn có hệ thống loa truyền thanh kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt (tối thiểu 95% hộ gia đình trong thôn nghe được loa truyền thanh của thôn). - Có Ban Biên tập hoạt động đúng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh³.
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	<ul style="list-style-type: none"> - Có trang thông tin điện tử của xã; Đảng ủy, HĐND, UBND có sử dụng phần mềm quản lý, điều hành qua mạng. - 80% cán bộ, công chức xã có máy vi tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn. 100% công chức sử dụng phần mềm hỗ trợ quản lý, điều hành, tác nghiệp.
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 80%

² Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em; có trang thiết bị phù hợp với nội dung hoạt động.

³ Hiện tại quy định tại Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh.

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người)	Năm 2017: 30,5 Năm 2018: 33 Năm 2019: 36 Năm 2020: 40
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 5%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên tổng dân số trong độ tuổi lao động có khả năng và có nhu cầu về việc làm	≥ 90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	- Phải có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. - Tỷ lệ số hộ trong xã được cung cấp dịch vụ từ Hợp tác xã ≥ 30% trong tổng số hộ sản xuất kinh doanh.
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực ⁴ đảm bảo bền vững	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt. - Xóa mù chữ đạt mức độ 2. - Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3. - Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 2.
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥ 85%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	Năm 2017: ≥ 60% Năm 2018: ≥ 62% Năm 2019: ≥ 68% Năm 2020: ≥ 70%
		14.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	≥ 70%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Năm 2017: ≥ 85% Năm 2018: > 86% Năm 2019: > 88% Năm 2020: > 90%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 24,2%

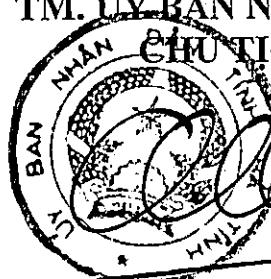
⁴ Có ít nhất 10% tổng sản lượng mỗi loại sản phẩm chủ lực sản xuất trên địa bàn được tiêu thụ theo chuỗi liên kết.

16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	≥ 70%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	- Nước hợp vệ sinh đạt tối thiểu 98%. - Nước sạch đạt chuẩn quốc gia (QCVN: 02/BYT) đạt tối thiểu 60%.
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Quản lý, thực hiện mai táng theo quy định, phong tục tập quán và theo hương ước của địa phương tại các nghĩa trang được quy hoạch; nghĩa trang được xây dựng và quản lý theo quy hoạch
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁵	≥ 90%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 90%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt
		18.4. Tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt

⁵ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt
VI. KHU DÂN CƯ			
20	Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu	20.1. 100% số thôn có phương án xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó có ít nhất 1 thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; các thôn còn lại tối thiểu đạt chuẩn 5 tiêu chí (trong đó có các tiêu chí: Vườn hộ và công trình chăn nuôi; hàng rào cây xanh và vệ sinh môi trường); không có tiêu chí đạt dưới 50% yêu cầu	Đạt
		20.2. Có tối thiểu 80% số vườn trong xã có sơ đồ thiết kế, quy hoạch và phương án triển khai thực hiện, ít nhất có 10 vườn đạt chuẩn vườn mẫu	Đạt

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Khánh